

Bản án số: 325/2019/DS-ST

Ngày: 30/8/2019

V/v “tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Yến Nhi.

2. Bà Đinh Thị Ngọc Châu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số 2112/2017/DSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 về “Tranh
chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
3447/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Q.

Địa chỉ: Khu T, TK L, thị trấn L, tỉnh Hoà Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1985 (Theo
Giấy ủy quyền số 425/GUQ.2018 ngày 31/10/2018).

- *Bị đơn:* Bà Lã Thị T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đường L, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam C, Đường H, Phường M3, Quận M0, Tp. Hồ
Chí Minh.

Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 16/10/2017, các bản khai tiếp theo và trong quá trình
tổ tụng, bà Xà Thị Bích H và bà Lê Thị T là người đại diện theo uỷ quyền của
nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13/9/2011, Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho bà Lã Thị T1 bằng Thẻ tín dụng số 4791 3925 7011 5937, hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng, loại thẻ: Visa vàng EMV, hiệu lực thẻ: 36 tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Lã Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng TMCP A theo thông báo giao dịch hàng tháng). Do đó, ngày 21/7/2012, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 21/8/2012, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ số nợ thẻ chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

Ngày 02/11/2016, Ngân hàng TMCP A bán toàn bộ khoản nợ thẻ của bà Lã Thị T1 cho Công ty TNHH Q theo Hợp đồng mua bán nợ số 0211/2016/HĐMBN/ACB-VIETAMC. Theo đó, kể từ thời điểm chuyển giao khoản nợ, Công ty TNHH Q là chủ sở hữu mới, có đầy đủ quyền chủ nợ đối với khoản nợ của bà Lã Thị T1.

Do bà Lã Thị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu bà T1 thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/8/2019 là 804.191.475 đồng, trong đó: vốn gốc là 214.030.134 đồng và lãi quá hạn là 590.161.341 đồng. Ngoài ra, bà T1 còn phải trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn nêu trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về số nợ gốc, tự nguyện giảm một phần tiền lãi quá hạn cho bà T1, cụ thể như sau: Tính đến ngày 30/8/2019, bà T1 phải trả cho Nguyên đơn tiền lãi quá hạn là 590.161.341 đồng, nhưng Nguyên đơn đồng ý giảm cho bà T1 số tiền lãi là 196.720.447 đồng, còn lại 393.440.894 đồng là số tiền lãi bà T1 phải thanh toán cho Nguyên đơn.

Bà Lã Thị T1 là bị đơn trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2018 như sau:

Căn cứ vào đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà, ngày 13/9/2011 bà được Ngân hàng TMCP A cấp thẻ tín dụng số 4791 3925 7011 5937, hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà không để ý đến vấn đề lãi suất và thời hạn hiệu lực của thẻ. Bà xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 214.030.134 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thẻ, bà đã thanh toán cho Ngân hàng một khoản tiền, thanh toán nhiều lần, bà không nhớ rõ tổng số tiền đã thanh toán là bao nhiêu. Khoản vay của bà được dùng cho mục đích chi tiêu cá nhân, do đó đây là nợ riêng của bà, không liên quan đến ai khác. Đối với số tiền nợ gốc, bà đồng ý trả cho nguyên đơn, tuy nhiên do hiện nay bà đang bị tạm giam nên không có điều kiện trả ngay toàn bộ số nợ cho nguyên đơn nên bà xin được trả dần nếu có điều kiện. Đối với tiền lãi, bà yêu cầu Nguyên đơn miễn giảm toàn bộ tiền lãi vì hiện nay bà có không có khả năng.

Đại diện Viện kiểm sát Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà T1 đề ngày 10/9/2011, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A (A), xác định Ngân hàng TMCP A đã cấp cho bà T1 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 200.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 02/11/2016, A bán toàn bộ khoản nợ thẻ của bà T1 cho Công ty TNHH Q theo Hợp đồng mua bán nợ số 0211/2016/HĐMB/ACB-VIETAMC. Kể từ thời điểm nhận chuyển giao khoản nợ, Công ty TNHH Q có đầy đủ các quyền chủ nợ đối với khoản nợ trên. Vì vậy, Nguyên đơn khởi kiện đòi Bị đơn trả nợ gốc và lãi là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017, Nguyên đơn Công ty TNHH Q khởi kiện yêu cầu Bị đơn bà Lã Thị T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà T1 đề ngày 10/9/2011, được Ngân hàng TMCP A chấp nhận và phát hành thẻ vào ngày 13/9/2011. Ngân hàng TMCP A đã bán khoản nợ trên cho Nguyên đơn nên Nguyên đơn có quyền khởi kiện Bị đơn, do vậy xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có địa chỉ thường trú tại P521 Chung cư N, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh, tạm trú tại Đường L, Phường N, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự: Qua xác minh nơi cư trú, hiện nay Bị đơn đang bị tạm giam tại Trại giam C - Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bị đơn. Tại phiên tòa, Bị đơn và đại diện Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[1.4] Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Xà Thị Bích H, sau đó thay đổi ủy quyền cho bà Lê Thị T, xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đòi nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của Bị đơn ngày 10/9/2011, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A, Giấy xác nhận đã nhận thẻ, có cơ sở xác định : Ngày 13/9/2011 Ngân hàng TMCP A đã cấp thẻ tín dụng số 4791 3925 7011 5937 cho Bị đơn với hạn mức sử dụng 200.000.000 đồng, hiệu lực sử dụng thẻ 36 tháng (đến tháng 9/2014), Bị đơn nhận thẻ vào ngày 16/9/2011. Căn cứ vào các Thông báo giao dịch thẻ tín dụng hàng tháng thì Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 21/7/2012, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn, ngày 21/8/2012, Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ thẻ chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/8/2019, Bị đơn còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 214.030.134 đồng.

Ngày 02/11/2016, Ngân hàng TMCP A đã bán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Nguyên đơn theo Hợp đồng mua bán nợ số 0211/2016/HĐMBN/ACB-VIETAMC đính kèm phụ lục hợp đồng. Theo đó, kể từ thời điểm chuyển giao khoản nợ, Nguyên đơn có đầy đủ các quyền chủ nợ đối với khoản nợ nêu trên, bao gồm các quyền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A, các văn bản, cam kết, thỏa thuận đã ký kết giữa Ngân hàng Á Châu và Bị đơn phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Vì vậy, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả số nợ gốc 214.030.134 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đòi nợ lãi:

Tại khoản 5.5 Điều 5 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A có quy định về lãi suất cho vay thẻ tín dụng như sau: Lãi vay được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ do Ngân hàng ban hành tại từng thời điểm. Như vậy, Lãi suất cho vay là 23%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (Theo Quyết định số 249/NVQĐ-TTT.11 ngày 03/3/2011 của Ngân hàng A về việc điều chỉnh lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng/thẻ trả trước). Ngày 11/11/2011, Ngân hàng có Quyết định số 1327/NVQĐ-TTT.11 điều chỉnh lãi suất cho vay là 25,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/8/2012, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thẻ chưa thanh toán sang nợ quá hạn với lãi suất nợ quá hạn 38,7%/năm.

Tính đến ngày 30/8/2019, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền lãi là 590.161.341 đồng. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho Bị đơn trong vấn đề chi trả, Nguyên đơn tự nguyện giảm một phần lãi cho Bị đơn là 196.720.447 đồng, còn lại 393.440.894 đồng là số tiền lãi mà Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn.

Xét thỏa thuận của hai bên về mức lãi suất trong hạn, quá hạn tại khoản 5.5

Điều 5 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng vì vậy Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền lãi 393.440.894 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng 607.471.028 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Bị đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật, Nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH Q:

Buộc bà Lã Thị T1 trả cho Công ty TNHH Q số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị

cấp thẻ tín dụng ngày 10/9/2011, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A, Hợp đồng mua bán nợ số 0211/2016/HĐMBN/ACB-VIETAMC ngày 02/11/2016 xác lập giữa Công ty TNHH Q và Ngân hàng TMCP A, tổng cộng là 607.471.028 đồng (Sáu trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm bảy một ngàn, hai mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 214.030.134 đồng (Hai trăm mười bốn triệu, ba mươi ngàn, một trăm ba mươi bốn đồng), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2019 là 393.440.894 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, tám trăm chín mươi bốn đồng). Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, bà Lã Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 10/9/2011, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lã Thị T1 phải chịu án phí là 28.298.841 đồng (Hai mươi tám triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, tám trăm bốn mươi một đồng).

Công ty TNHH Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.339.530 đồng (Mười ba triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm ba mươi đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0022344 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Q, bà Lã Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- CC THADS Q M;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hiền

